

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QHH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Công văn số 1581/KBNN-TVQT ngày 20/3/2023 của Kho bạc Nhà nước về việc phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-KBNT ngày 23/3/2023 của Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận về việc thanh lý tài sản là máy phát điện và hệ thống báo động báo cháy tại Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-KBNT ngày 30/5/2023 của Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản là máy phát điện và hệ thống báo động báo cháy tại Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận;

Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Người có tài sản:

Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận.

Địa chỉ: Đường 16/4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm tài sản đấu giá:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá khởi điểm (đồng)
1	Máy phát điện VIETGEN - 250FJM	01 cái	136.363.636
2	Hệ thống BDBC, thiết bị PCCC và máy bơm CC, CH	01 hệ thống	2.272.727
Tổng giá bán khởi điểm			138.636.363

3. Tiêu chí và cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận quy định, cụ thể theo Bảng phụ lục hướng dẫn tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản kèm theo Thông báo này.

Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó theo thứ tự ưu tiên về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản cao hơn.

4. Thành phần hồ sơ đăng ký lựa chọn:

Năng lực hoạt động của tổ chức đấu giá (01 bộ hồ sơ chứng minh về năng lực, gồm: Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền cấp, đã đăng ký hoạt động với Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận, sổ lượng đấu giá viên ...).

Bảng điểm chi tiết theo tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản kèm theo.

Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia: 01 bộ hồ sơ phải còn nguyên niêm phong.

5. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

Thời gian: 03 ngày làm việc, từ 07 giờ 00 ngày 02/6/2023 đến 17 giờ 00 ngày 06/6/2023 (nhận hồ sơ trực tiếp).

Địa điểm: Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận (Đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận). Số điện thoại: 0259.3502124. Người nhận hồ sơ: Trần Bích Thảo Nguyễn.

Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và căn cước công dân (bản chính và 01 bản photo).

Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được chọn.

Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết đăng ký tham gia theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận;
- Lưu: VT, TVQT(3b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trung Nam

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Kèm theo thông báo số 458 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Kho bạc Nhà nước Ninh Thuận)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan (phương án chi tiết)	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao (phương án chi tiết)	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin chống thông đồng, dìm giá (phương án chi tiết)	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá (phương án chi tiết)	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá (phương án chi tiết)	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá (phương án chi tiết)	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0



TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Có hợp đồng đấu giá thành là tài sản thanh lý của nhà nước từ 20 hợp đồng trở lên tài sản đã thực hiện.	5,0
2	Có hợp đồng đấu giá thành là tài sản thanh lý của nhà nước từ 10 đến dưới 20 hợp đồng tài sản đã thực hiện	3,0
3	Có hợp đồng đấu giá thành là tài sản thanh lý của nhà nước từ 05 đến dưới 10 hợp đồng tài sản đã thực hiện	2,0
4	Có hợp đồng đấu giá thành là tài sản thanh lý của nhà nước từ 02 đến dưới 05 hợp đồng tài sản đã thực hiện	1,0
5	Không có hợp đồng đấu giá thành là tài sản thanh lý của nhà nước	0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện



TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
----	----------	------------

* Mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá tài sản tương ứng với từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm nhưng không vượt quá 400.000.000 đồng/01 Hợp đồng (theo quy định tại Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* Giá trị thanh toán hợp đồng sau khi đấu giá thành sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính, nhưng không vượt mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản do Tổ chức đấu giá đề nghị tại Hồ sơ đăng ký.